

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ VĨNH DIỆN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học :2025**

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường: Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện

2. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
Điện thoại: 083.3411.956

Website: <https://thtovinhdien.pgdtptdienbienphu.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

- Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

- Giá trị cốt lõi của nhà trường: Đoàn kết - Trách nhiệm; Trung thực - Sáng tạo; Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ; Công bằng - Khách quan; Tập trung vào kết quả và con người.

- Giá trị văn hóa của nhà trường: Phát huy truyền thống; Tự trọng, tự hào, tự tin, khát vọng vươn lên; Khả năng thích ứng; Khả năng đổi mới và hội nhập.

- Mục tiêu: Xây dựng trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện theo mô hình “**trường học hạnh phúc**” với các tiêu chí “Yêu thương, an toàn, tôn trọng”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện được thành lập năm 1995 theo quyết định số 439/QĐ-UB-TC quyết định của UBND tỉnh Lai Châu ngày 10 tháng 8 năm 1995

Trải qua 29 năm xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện với sự quan tâm, chăm lo đầy trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân, cấp ủy, chính quyền địa phương, hội cha mẹ HS, con em địa phương, đặc biệt là sự cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn vươn lên trong quản lý, giảng dạy và học tập của đội ngũ CBQL, GV, NV và các thế hệ HS đã từng bước có sự phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục, ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong sự nghiệp GD và đào tạo chung của các trường trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ và của tỉnh Điện Biên. Tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường có khuôn viên đẹp, với tổng diện tích rộng 2.999,7 m² được cấp có thẩm quyền cấp phép sử dụng đất lâu dài, với 23 phòng học kiên cố,

có đủ các phòng chức năng, khu hiệu bộ, có đầy đủ khu sân chơi bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động. Các phòng học, phòng bộ môn, các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học đáp ứng khá tốt điều kiện giảng dạy và học tập cho GV và HS.

Nhà trường có 43 CB, GV, NV (trong đó 03 CBQL, 335 GV, 05 NV). 100% CBQL, GV, NV có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, có 33 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường, 11 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp TP, 02 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp tỉnh.

Tổng số 683 HS, chất lượng giáo dục ngày một tăng. Tỷ lệ HS Hoàn thành xuất sắc nội dung học tập và rèn luyện đạt trên 40%; Hoàn thành tốt trên 35%; học sinh chuyển lớp các năm đạt 99,96% trở lên. Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm đều đạt 100%.

Trong từng năm học, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, quan tâm chú trọng các hoạt động chuyên môn như: Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội giảng, thi giáo viên giỏi cấp trường và dự thi các cấp; dự giờ, thăm lớp; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học. Cuối mỗi năm học, CBQL, GV, NV đều tham gia viết sáng kiến về các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được, trong nhiều năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng GDĐT thành phố Điện Biên Phủ, sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ và lãnh đạo nhà trường, sự nỗ lực của đội ngũ CBGVNV và HS; Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện đã đạt được nhiều kết quả cao trong các hoạt động và phong trào thi đua của ngành. Nhiều năm qua nhà trường liên tục được UBND tỉnh công nhận Tập thể LĐXS; UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Năm học 2019 - 2020 nhà trường vinh dự được thủ tướng chính phủ tặng Bằng Khen, Bộ Giáo dục và đào tạo tặng cờ thi đua, Năm học 2024 - 2025 nhà trường vinh dự được UBND tỉnh tặng cờ thi đua, Công đoàn được LĐLĐ thành phố tặng Giấy khen. Chi bộ nhà trường liên tục là chi bộ “Trong sạch vững mạnh” được Đảng ủy phường Tân Thanh tặng giấy khen nhiều năm liền. Nhiều cá nhân được UBND tỉnh, LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng bằng khen.

Đặc biệt với mục tiêu đổi mới toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, thầy và trò trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện đã không ngừng lao động sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng nhà trường là một điểm sáng về công tác giáo dục để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW của trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Đỗ Thị Như Hoa. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 5, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0833411956

Địa chỉ trang thông tin điện tử: nhuhoant78@gmmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 439/QĐ-UB-TC quyết định của UBND tỉnh Lai Châu ngày 10 tháng 8 năm 1995 (nay là tỉnh Điện Biên).

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Hội đồng trường Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện được thành lập theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 về việc kiện toàn Hội đồng các Trường Tiểu học thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2023- 2028., gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	nhiệm vụ
1	Đỗ Thị Như Hoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Trần Văn Tuyên	P.Hiệu trưởng	P.chủ tịch HĐ
3	Đào Lê Thuỳ Dung	PCT UBND phường	P.chủ tịch HĐ
4	Cà Thị Mai Hiên	Giáo viên	Thư kí
5	Hoàng Lan Hương	P.Hiệu trưởng	Thành viên
6	Tạ Thị Nành	Tổ trưởng CM khối 1	Thành viên
7	Đoàn Thị Phúc	Tổ trưởng CM khối 2+3	Thành viên
8	Trần Thị Hiền Lương	Tổ trưởng CM khối 4+5	Thành viên
9	Đoàn Thị Nguyệt	Tổng Phụ trách Đội	Thành viên
10	Bùi Thị Nhung	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
11	Tô Văn Trường	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện là trường hạng I, có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đảm bảo đủ cơ cấu cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Trường Tiểu học và thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT, thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Hiệu trưởng: Đỗ Thị Như Hoa được điều động và bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 21007/QĐ-UBND, ngày 07/6/2024 UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Hoàng Lan Hương được bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số Quyết định số 330/QĐUBND ngày 23 tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Trần Văn Tuyên được bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 1842/QĐUBND ngày ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

- Hiệu trưởng: Đỗ Thị Như Hoa
- Phó hiệu trưởng: Trần Văn Tuyên
- Phó hiệu trưởng: Hoàng Lan Hương
- * Các tổ khối chuyên Môn:

- Tổ chuyên môn khối 1:

TT	Họ và Tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Tạ Thị Nành	CN Lớp 1A1- Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thị Thuý	CN Lớp 1A2- Tổ phó	
3	Nguyễn Thị Năm	CN Lớp 1A3	
4	Lò Thị Thuý Nga	CN Lớp 1A4	
5	Bùi Thị Kim Thương	Mĩ Thuật	
6	Trần Thị Thu Hà	Âm Nhạc	
7	Đoàn Thị Nguyệt	Âm Nhạc- Tổng Phụ trách Đội	
8	Đình Quốc Huy	Thể dục	
9	Hoàng Anh Giang	Dạy khối 1	
10	Bùi Thị Nhung	Thư viện- Thiết bị	

- Tổ chuyên môn khối 2+3:

TT	Họ và Tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Đặng Thị Thoa	CN Lớp 2A1	
2	Vũ Thị Huế	CN Lớp 2A2- Tổ phó	
3	Trịnh Thị Thanh Thủy	CN Lớp 2A3	
4	Nguyễn Thị Kim Dung	CN Lớp 2A4	
5	Chu Thị Kim Duyên	CN Lớp 3A1	
6	Dương Thị Minh Châu	CN Lớp 3A2	
7	Lê Thị Hường	CN Lớp 3A3	
8	Đoàn Thị Phúc	CN Lớp 3A4 - Tổ trưởng	
9	Nguyễn Thu Huyền	Tiếng anh	
10	Nguyễn Đức Toàn	Thể dục	
11	Nguyễn Thị Hoa	Dạy khối 2+3	
12	Chu Thị Bình	Biệt Phái	

- Tổ chuyên môn khối 4+5:

TT	Họ và Tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Hoàng Thị Hồng Gấm	CN Lớp 4A1	
2	Trần Thị Như Tinh	CN Lớp 4A2- Tổ phó	
3	Lê Thị Nguyệt	CN Lớp 4A3	
4	Nguyễn Thị Sinh	CN Lớp 4A4	
5	Nguyễn Thị Lý	CN Lớp 4A5	

6	Cà Thị Mai Hiên	CN Lớp 5A1 – TK Hội đồng	
7	Tường Thị Quỳnh	CN Lớp 5A2	
8	Trần Thị Hiền Lương	CN Lớp 5A3 - Tổ trưởng	
9	Nguyễn Thị Tần	CN Lớp 5A4	
10	Nguyễn Thị Thuỷ	Thế dục	
11	Nguyễn Quang Hoà	Tin Học	
12	Đỗ Thị Phú	Dạy khối 4+5	
13	Đỗ Thị Thanh Lý		

- **Tổ chuyên môn Văn Phòng:**

TT	Họ và Tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Trần Trung Hiếu	Kế Toán- Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Y tế	
3	Phạm Văn Hùng	Bảo vệ	
4	Mạc An Hồi	Bảo vệ	

e) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo của cơ sở giáo dục:

- Họ và tên: Đỗ Thị Như Hoa. Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0833411956

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 5, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định; Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; Chủ tài khoản; Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường quyết định khen thưởng, kỷ luật; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần (Môn Đạo đức lớp 5a1, 5a2); Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng; Chủ trì soạn thảo các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học; Trực tiếp tiếp công dân ,phụ trách tổ văn phòng.

- Họ và tên: Hoàng Lan Hương. Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Điện thoại: 0829166168

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 05, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách chuyên môn chung, phụ trách chuyên môn khối 1,2,3; Phụ trách bán trú, công đoàn, Đoàn, Công tác Đội; Phụ trách về phong trào và các cuộc thi của CBGVNV, HS; Chịu trách nhiệm về công tác

I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3	1	2	3			3	
1	Hiệu trưởng	1		1	1			1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	1	2			2	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	33	1	32	31	0	0	33	
1	Giáo viên tiểu học hạng II	35	1	34	32	0	0	35	
2	Giáo viên tiểu học hạng III	11		11	10	0		11	
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	2	1	1					
1	Thư viện	1		1					
2	Quản trị công sở	0							
3	Văn thư	0							
4	Thủ quỹ	0							
5	Kế toán	1	1						
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2		1	2				
1	Y tế học đường	1			1				
2	Nhân viên Bảo vệ	1		1	1				
3	Nhân viên Phục vụ	0			0				

	Cộng (I+II=III+IV)	40	4	34	2	36	0	0	36	0
--	-------------------------------	----	---	----	---	----	---	---	----	---

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2.999,7	5,19 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.000.000	1,96 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	35	1,01m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	35	0,05 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	35	0,06 m ² /HS
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	35	0,04 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	0,04 m ² / HS
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	0,04 m ² / HS
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30	0,03 m ² / HS
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	25	8 m ² / HS
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	25	0,05 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	21	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	21	
1.1	Khối lớp 1	4	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	4	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	4	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	4	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	5	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		

2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	23	1 máy /1 lớp
5	Máy phôtô	2	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính	7	
8	Máy chiếu vật thể	15	1 máy / 2 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	60
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0,04 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Ngoại ngữ	HTT	554	74	101	73,7	115	85,8	125	83,3	117	77	96	54,5
	HT	195	26	36	26,3	19	14,2	25	16,7	35	23	80	45,5
	CHT		0		0		0		0		0	176	100
Đạo đức	HTT	691	92,3	123	89,8	127	94,8	146	97,3	139	91,4	156	88,6
	HT	58	7,74	14	10,2	7	5,22	4	2,67	13	8,55	20	11,4
	CHT		0		0		0		0		0		0
TN&XH	HTT	373	88,6	115	83,9	118	88,1	138	92		0		0
	HT	48	11,4	22	16,1	16	11,9	12	8		0		0
	CHT		0		0		0		0		0		0
Khoa học	HTT	268	81,7		0		0		0	128	84,2	140	79,5
	HT	60	18,3		0		0		0	24	15,8	36	20,5
	CHT		0		0		0		0		0		0
Lịch sử- Địa lý	HTT	261	79,6		0		0		0	123	80,9	138	78,4
	HT	67	20,4		0		0		0	29	19,1	38	21,6
	CHT		0		0		0		0		0		0
Âm nhạc	HTT	651	86,9	109	79,6	120	89,6	138	92	132	86,8	152	86,4
	HT	98	13,1	28	20,4	14	10,4	12	8	20	13,2	24	13,6
	CHT		0		0		0		0		0		0
Mĩ Thuật	HTT	647	86,4	111	81	116	86,6	138	92	131	86,2	151	85,8
	HT	102	13,6	26	19	18	13,4	12	8	21	13,8	25	14,2
	CHT		0		0		0		0		0		0
GDTC	HTT	678	90,5	116	84,7	122	91	140	93,3	140	92,1	160	90,9
	HT	71	9,48	21	15,3	12	8,96	10	6,67	12	7,89	16	9,09
	CHT	749	100	137	100	134	100	150	100	152	100	176	100
Công nghệ	HTT	254	84,4		0		0	130	86,7	121	79,6		0
	HT	47	15,6		0		0	20	13,3	31	20,4		0
	CHT		0		0		0		0		0		0
Kỹ thuật	HTT	156	88,6		0		0		0		0	156	88,6
	HT	20	11,4		0		0		0		0	20	11,4
	CHT		0		0		0		0		0		0
HĐTN	HTT	520	90,8	119	86,9	123	91,8	143	95,3	135	88,8		0
	HT	53	9,25	18	13,1	11	8,21	7	4,67	17	11,2		0
	CHT		0		0		0		0		0		0
Tin học	HTT	406	90,6		0		0	131	87,3	128	84,2	147	83,5
	HT	72	16,1		0		0	19	12,7	24	15,8	29	16,5
	CHT		0		0		0		0		0		0

*** Năng lực:**

Khối 1, 2, 3, 4,5

Khối lớp		Tổng số		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh		683		119		134		129		153		148	
HS Khuyết tật		5		0		1		1		2		1	
HS được đánh giá		678		119		133		128		151		147	
Năng lực chung	MĐ Đ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		1. Tự chủ và tự học	Tốt	603	89	104	87.4	123	87.4	116	90.6	126	83.4
	Đạt	75	11	15	12.6	10	12.6	12	9.375	25	16.6	13	8.8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	617	91	107	90	126	90	117	91.4	133	88.1	134	91.2
	Đạt	61	9	12	10	7	10	11	8.6	18	11.9	13	8.8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	592	87.3	104	87.4	120	87.4	114	89.1	123	81.5	131	89.1
	Đạt	86	12.7	15	12.6	13	12.6	14	10.9	28	18.5	16	10.9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
Năng lực đặc thù	MĐ Đ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		1. Ngôn ngữ	Tốt	623	91.9	105	88.2	126	88.2	116	90.6	137	90.7
	Đạt	55	8.1	14	11.8	7	11.8	12	9.4	14	9.3	8	5.4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
2. Tính toán	Tốt	589	86.9	109	91.6	122	91.6	113	88.3	122	80.8	123	83.7
	Đạt	89	13.1	10	8.4	11	8.4	15	11.7	29	19.2	24	16.3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
3. Tin học	Tốt	382	56.3		0		0	112	87.5	133	88.1	137	93.2
	Đạt	44	6.5		0		0	16	12.5	18	11.9	10	6.8
	CCG	0	0		0		0	0	0	0	0		0
4. Công nghệ	Tốt	393	58		0		0	117	91.4	135	89.4	141	95.9
	Đạt	33	4.9		0		0	11	8.6	16	10.6	6	4.1
	CCG	0	0		0		0	0	0	0	0		0
5. Khoa	Tốt	61	90.7	105	88.	120	88.	116	90.6	13	90.	13	93.2

học		5			2		2			7	7	7	
	Đạt	63	9.3	14	11.8	13	11.8	12	9.4	14	9.3	10	6.8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
6. Thẩm mĩ	Tốt	631	93	108	90.8	126	90.8	119	93	140	92.7	138	93.9
	Đạt	47	7	11	9.2	7	9.2	9	7	11	7.2	9	6.1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
7. Thể chất	Tốt	621	91.6	109	91.6	124	91.6	115	89.8	134	88.7	139	94.6
	Đạt	57	8.4	10	8.4	9	8.4	13	10.2	17	11.3	8	5.4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0

*** Phẩm chất:**

Khối 1, 2, 3, 4,5:

Khối lớp		Tổng		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số HS		683		119		134		129		153		148	
<i>HS Khuyết tật</i>		5		0		1		1		2		1	
HS được đánh giá		678		119		133		128		151		147	
Phẩm chất	MĐĐ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%	SL	%	SL
1. Yêu nước	Tốt	683	100	119	100	134	100	129	100	153	101	148	100
	Đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
2. Nhân ái	Tốt	669	98.7	115	96.6	133	100	128	100	149	98.7	144	98
	Đạt	9	1.3	4	3.4	0	0	0	0	2	1.3	3	2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
3. Chăm chỉ	Tốt	599	88.3	105	88.2	121	91	110	85.9	128	84.8	135	91.8
	Đạt	79	11.7	14	11.8	12	9	18	14.1	23	15.2	12	8.2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
4. Trung thực	Tốt	668	98.5	118	99.2	133	100	128	100	145	96	144	98
	Đạt	10	1.5	1	0.8	0	0	0	0	6	4	3	2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
5. Trách nhiệm	Tốt	627	92.5	107	89.9	130	97.7	117	91.4	135	89.4	138	93.9
	Đạt	51	7.5	12	10.1	3	2.3	11	8.6	16	10.6	9	6.1
	CCG	0	0	0		0	0	0	0	0			

* **Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3, 4:**

Khối lớp	TSHS	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TS
1	119	119	67	56.3	35	29.4	1	119	119	67
2	134	133	65	48.9	48	36.1	2	134	133	65
3	129	128	49	38.3	50	39	3	129	128	49
4	153	151	40	26.5	69	45.7	4	153	151	40
5	148	147	51	34.6	48	32.7	5	148	147	51
Tổng	683	678	272	40.1	220	32.4	155	22.9	1	0.1

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp khối 1,2,3,4:683/638 h/s, đạt 100%
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 148/148 đạt 100%.
- Khen thưởng cuối năm:
- Khen thưởng học sinh năm học 2024 -2025: 492/678 em đạt 72,6%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Đơn vị tính: Đồng			
STT	Chỉ tiêu	Năm Báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Tổng số thu	13,424,541,193	11,479,602,000
1	Nguồn ngân sách cấp	13,128,667,693	10,823,652,000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	11,467,734,983	9,823,637,000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1,660,932,710	1,000,015,000
	Trong đó:- Mua sắm trang thiết bị dạy và học	1,583,717,710	722,980,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	77,215,000	26,035,000
	- Chi lương		
	- Tiền thưởng		251,000,000
2	Nguồn chi khác	295,873,500	655,950,000
	Nước uống+dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (thoả thuận)	61,290,000	115,630,000
	Tiếng anh tự chọn cho học sinh lớp 1,2(Trung tâm quản lý)		273,420,000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục, tôn tạo cảnh quan môi trường	234,583,500	266,900,000
II	Tổng chi		11,480,445,560

1.1	Nguồn chi thường xuyên	11,467,734,983	9,818,337,000
	Tiền lương và các khoản theo lương	10,823,107,532	9,474,387,248
	Chi phí vật tư và công cụ và dịch vụ đã sử dụng	333,000,000	
	Chi hoạt động giáo dục	311,627,451	343,949,752
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1,600,860,620	999,782,960
	Trong đó:- Mua sắm trang thiết bị dạy và học	1,583,610,620	722,832,960
	Hỗ trợ chi phí học tập	17,250,000	25,950,000
	Truy lĩnh lương chức danh nghề nghiệp (Tinh giảm biên chế)		
	- Tiền thưởng		251,000,000
1.3	Nguồn chi khác		662,325,600
	Nước uống+dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (thỏa thuận)	61,290,000	115,630,000
	Tiếng anh tự chọn cho học sinh lớp 1,2(Trung tâm quản lý)		279,795,600
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục, tôn tạo cảnh quan môi trường	234,583,500	266,900,000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua:

Thực hiện hiệu quả cuộc vận động: Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XIII; Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức; các phong trào thi đua “Xây dựng trường tiểu học thân thiện, học sinh tích cực”, “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “ Vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức thành phố Điện Biên Phủ thi đua thực hiện văn hóa công sở”; “Chuyển đổi số” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; hưởng ứng Phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 71 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2025), 116 năm thành lập tỉnh (28/6/1909 - 28/6/2025), 76 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949 - 10/10/2025)

2. Các hoạt động chuyên môn dạy và học

2.1. Kết quả thực hiện các hoạt động chuyên môn

- Nhà trường đã xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy.
- Triển khai thực hiện tốt chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt các nội dung lồng ghép; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Tổ chức dạy tin học, Tiếng Anh bắt buộc và Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2.

- 100% cán bộ, giáo viên tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ UDCNTT. 100% cán bộ giáo viên tham gia chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch. BGH, GV chuyên, GV dạy lớp 5 hoàn thành nội dung tập huấn giới thiệu SGK lớp 5.

- Tổ chức tốt hội thi GVĐG cấp trường và tích cực tham gia thi GVĐG cấp TP, cấp tỉnh : Có 35 GV đạt danh hiệu GVĐG cấp trường, có 11 GV đạt danh hiệu GVĐG cấp TP, có 2 GV đạt danh hiệu GVĐG cấp tỉnh (Trong đó có 2 GV được SGD tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong Hội thi).

- Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối trong trường và cụm trường. Tập trung vào các nội dung: Các tiết dạy thống nhất phương pháp theo SGK mới, giáo dục STEM,...

- Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt đề án 06: Thường xuyên cập nhật thông tin cán bộ, giáo viên, học sinh; thông tin cá nhân xác thực với CSDLQGDC trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia ngành Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện thanh toán theo phương thức không dùng tiền mặt. Kết quả 100% phụ huynh có tài khoản ngân hàng và thực hiện thanh toán bằng thẻ, 100% học sinh được hưởng chế độ chính sách đã được nhận tiền chế độ thông qua hình thức chuyển khoản.

2.2. Kết quả các cuộc thi:

- Cuộc thi giải violympic toán qua Internet cấp trường: Tổng số có 291 học sinh đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 17, giải nhì: 51, giải ba: 75, giải khuyến khích: 148. Cấp TP: 0 em đạt giải. Cấp tỉnh có 125 học sinh được vinh danh: 05 vàng, 04 bạc, 12 đồng, 108 khuyến khích. Cấp quốc gia: 01 giải đồng, 07 giải khuyến khích.

- Cuộc thi giải violympic tiếng việt qua Internet cấp trường: Tổng số có 151 học sinh đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 05, giải nhì: 10, giải ba: 24, giải khuyến khích: 112. Cấp TP: 0 em đạt giải. Cấp tỉnh có 132 học sinh được vinh danh: 21 vàng, 51 bạc, 43 đồng, 17 khuyến khích. Cấp quốc gia: 07 giải khuyến khích.

- Cuộc thi IOE tiếng Anh qua Internet Cấp trường: Tổng số có 168 học sinh đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 14, giải nhì: 19, giải ba: 19, giải khuyến khích: 117. Cấp thành phố có 33 HS được vinh danh. Cấp tỉnh có 84 HS được vinh danh: 05 giải nhất, 11 giải nhì, 13 giải ba, 45 giải KK. Cấp quốc gia: 01 giải vàng, 1 giải Bạc.

- Cuộc thi TNTV Cấp trường: Tổng số có 297 học sinh đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 33, giải nhì: 67, giải ba: 85, giải khuyến khích: 112. Cấp TP: 183 học sinh đạt giải. Cấp tỉnh có 83 HS đạt giải.

- Cuộc thi Viết chữ đẹp/ viết văn sáng tạo cấp trường: Tổng số có 217 học sinh đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 9, giải nhì: 29, giải ba: 65, giải khuyến khích: 95

- Cuộc Thi Olympic Toán cấp trường: 94 giải. Trong đó: Nhất 6, nhì 6, ba 14, KK: 38; Thi Olympic Tiếng Anh cấp trường: 59 giải. Trong đó: nhất 10, nhì 17, ba 7, Khuyến Khích: 25. Thi Olympic Tiếng việt cấp trường: 85 giải. Trong đó: nhất 11, nhì 15, ba 23, Khuyến Khích: 36

- Cuộc thi kể chuyện theo sách cấp trường: Tổng số có 22 học sinh đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 3, giải nhì: 5, giải ba: 3, giải khuyến khích: 7 .

- Các cuộc thi: Cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 53: 250 bài; Sáng tạo TTN TP: 01 sản phẩm đạt A (giải nhất).

3. Công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục: Đăng tải kịp thời trên Zalo, Facebook, Website các nội dung tuyên truyền, tin bài về các hoạt động của nhà trường. Trong năm học có 35 tin bài đăng trên Website của trường và PGD.

Nội dung truyền thông tập trung vào: Công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới, HS tựu trường, Lễ khai giảng, tuyên truyền về ATGT, Hội nghị CBVC, hiến máu nhân đạo, giao lưu với HS Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề hỗ trợ trẻ thiệt thòi, tổ chức trung thu cho học sinh. Thay SGK theo CT GDPT 2018; chào mừng 20/10, 20/11, 22/12; thi GVĐG cấp trường, cấp thành phố; HKPD; các cuộc thi, HĐTN, các hoạt động chào mừng kỉ niệm 50 năm giải phòng Miền Nam Thống nhất đất nước, Lễ hội hoa ban.... tuyên truyền về Luật trẻ em, Luật phòng chống ma túy và phòng chống tai nạn thương tích.

4. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn trường học, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

Nhà trường luôn chú trọng và thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Tổ chức cho

100% HS được khám sức khỏe định kì và uống thuốc tẩy giun.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh; chỉ đạo bộ phận y tế xây dựng và phổ biến đến giáo viên, nhân viên nhà trường về các phương án xử trí một số tai nạn thương tích thông thường; thường xuyên tuyên truyền và nhắc nhở học sinh vui chơi an toàn; thường xuyên kiểm tra các khu vực vui chơi, hệ thống điện, ... và kịp thời khắc phục nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh.

Thực hiện tốt công tác an toàn trường học, phòng cháy chữa cháy. 100% CBGVNV tham gia tập huấn trực tuyến về công tác PCCC; GV và HS đã tích cực tham gia tuyên truyền, trải nghiệm, thực hành chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Trong năm học chưa xảy ra tình trạng học sinh bị tai nạn thương tích, ngộ độc thực phẩm tại trường học.

5. Công tác kiểm tra nội bộ trường học, quy chế dân chủ trong nhà trường và công khai theo quy định.

Nhà trường thực tốt các nội dung kiểm tra nội bộ trường học theo đã xây dựng. Qua công tác kiểm tra đã kịp thời phát huy được ưu điểm và khắc phục được các hạn chế, tồn tại của các bộ phận, cá nhân và đã góp phần thúc đẩy, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ, phát huy được quyền dân chủ của CBGVNV trong các hoạt động của cơ quan.

Thực hiện nghiêm túc nội dung công khai theo quy định.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đỗ Thị Như Hoa

